

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 608/TTr-SNV ngày 22 tháng 9 năm 2025 và Công văn số 7639/SNV-TĐKT ngày 27 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2025; thay thế Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Hiệu trưởng các Trường đại học, cao đẳng; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Khối thi đua doanh nghiệp và tổ chức hội cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đam*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Ban TĐKT Trung ương;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (TP, Loan).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh
Lê Hồng Vinh

QUY CHẾ**Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

(Kèm theo Quyết định số: 84 /2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn, hồ sơ, thời gian xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hoạt động cụm, khối thi đua các cấp; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện quy chế này trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Những nội dung không quy định tại quy chế này thì được thực hiện theo quy định Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể và cá nhân thuộc:

a) Các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

b) Các xã, phường;

c) Các Trường đại học, cao đẳng; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tham gia phong trào thi đua của tỉnh;

đ) Tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp;

e) Tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

2. Các cá nhân có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

3. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài; người nước ngoài và cơ quan, tổ chức nước ngoài có công lao, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.



Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG TỔ CHỨC THI ĐUA; TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 3. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau được chia theo khối, cụm thi đua.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp cụ thể.

Điều 4. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để đề ra nội dung, hình thức tổ chức phát động phong trào thi đua; xây dựng chương trình, kế hoạch cho phù hợp. Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị và có tính khả thi, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm để đề ra chỉ tiêu, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực.

3. Triển khai thực hiện phong trào thi đua sâu rộng và theo dõi quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức chỉ đạo điềm để đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và đề ra các biện pháp khắc phục để chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để biểu dương, tôn vinh các gương điển hình tiên tiến đã lập thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

Điều 5. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 24 Luật Thi đua,

luôn

khen thưởng. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể được thực hiện theo quy định tại khoản 5, Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho công nhân, nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều này) như sau:

a) Lao động, áp dụng kỹ thuật tiên bộ trong lao động, sản xuất đạt hiệu quả; tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội được đơn vị, địa phương suy tôn, công nhận;

b) Gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;

c) Được cấp có thẩm quyền xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ (hoặc tương đương) trở lên (nếu có).

Điều 6. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022.

Điều 7. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” là các cá nhân thuộc các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc tỉnh (không xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” đối với các cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, ngành Trung ương).

Điều 8. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Tỷ lệ xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không vượt quá 20% tổng số tập thể được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Khi tính tỷ lệ, được tính theo nguyên tắc làm tròn số; đối với các cơ quan, đơn vị có từ 02 phòng, ban, đơn vị và tương đương trở xuống thì được xét 01 tập thể.

3. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Đối với các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh: Xét tặng đối với các đơn vị trực thuộc như phòng, ban, trung tâm, chi cục và tương đương;

ban

Xét tặng đối với các tập thể trực thuộc Chi cục (hoặc tương đương) có quy mô lớn (có từ 05 phòng, ban, đơn vị trực thuộc trở lên); các khoa, phòng, trung tâm (hoặc tương đương) thuộc Bệnh viện, Trung tâm hạng II trở lên trực thuộc Sở Y tế;

b) Đối với cấp xã, phường: Xét tặng đối với các phòng, ban, trung tâm, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và tương đương;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các Trường đại học, cao đẳng: Xét tặng đối với các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, ban, trung tâm và tương đương;

d) Xét tặng đối với các tổ chức hội và doanh nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh.

đ) Không xét công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” đối với: Các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các xã, phường; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các trường đại học, cao đẳng (các đối tượng này thực hiện việc xếp loại thi đua hàng năm theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh);

Điều 10. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh (thường xuyên) xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Tiêu chuẩn số lượng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh (thường xuyên):

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ số lượng Cờ thi đua đối với các cụm, khối thi đua và cơ quan, đơn vị tại Phụ lục và hướng dẫn kèm theo Quy chế này.

b) Khi có thay đổi về đơn vị hành chính, bổ sung thêm hoặc bớt số lượng các cơ quan, đơn vị: Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phân bổ số lượng Cờ phù hợp.

3. Tập thể được xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được bình chọn, suy tôn từ các đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua của tỉnh; cụm, khối thi đua của ngành, xã, phường, đơn vị. Các tập thể không tham gia cụm, khối thi đua thì không được bình chọn, suy tôn Cờ thi đua.

4. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh theo chuyên đề: Thực hiện theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các chuyên đề có thời gian từ 03 năm trở lên.

5. Trong một năm, cùng một thành tích không đồng thời đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị tặng Cờ thi đua của cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương. Không tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tập thể nằm trong số được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”. Trường hợp tập thể đã đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 11. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

1. Cờ thi đua của Chính phủ xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy

Uyban

định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ số lượng Cờ thi đua của Chính phủ theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 12. Giấy khen

Giấy khen được quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng để xét tặng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình như sau:

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen tặng cho hộ gia đình gồm:

Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội. Mức và giá trị đóng góp do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quy định cho phù hợp.

Điều 13. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân và tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Quy định tỷ lệ tặng Bằng khen (thường xuyên) đối với cá nhân (Khi tính tỷ lệ được tính theo nguyên tắc làm tròn số):

a) Đối với các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các trường đại học, cao đẳng: Đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động dưới 50 người được đề nghị tối đa 03 cá nhân; từ 50 người đến dưới 100 người được đề nghị tối đa 05 cá nhân; từ 100 người đến dưới 200 người được đề nghị tối đa 07 cá nhân; từ 200 người đến dưới 300 người được đề nghị tối đa 09 cá nhân; từ 300 người đến dưới 400 người được đề nghị tối đa 11 cá nhân; từ 400 người đến dưới 500 người được đề nghị tối đa 13 cá nhân; từ 500

lưu

người đến dưới 600 người được đề nghị tối đa 14 cá nhân; từ 600 người đến dưới 700 người được đề nghị tối đa 15 cá nhân; từ 700 người đến dưới 800 người được đề nghị tối đa 16 cá nhân; từ 800 người trở lên được đề nghị tối đa 2% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (nhưng không được vượt quá 40 cá nhân). Riêng Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo, tùy vào thành tích đạt được trong năm, được đề nghị tối đa không quá 120 cá nhân đối với Sở Y tế và không quá 100 cá nhân đối với Sở Giáo dục và Đào tạo;

b) Đối với các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh được áp dụng số lượng bằng tỷ lệ 50% các đối tượng khen thưởng tại điểm a khoản này;

c) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức hội cấp tỉnh: Căn cứ đặc điểm, tình hình, tính chất, quy mô, hiệu quả sản xuất kinh doanh và những đóng góp trong năm,... Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nhưng số lượng không vượt quá tỷ lệ tại điểm a khoản này.

3. Quy định tỷ lệ tặng Bằng khen (thường xuyên) đối với tập thể. Khi tính tỷ lệ, đối với các cơ quan đơn vị có từ 09 phòng, ban, đơn vị và tương đương trở xuống thì được xét 01 tập thể; từ 10 phòng, ban, đơn vị trở lên thì tính tỷ lệ 15%, được làm tròn số.

a) Đối với các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các trường đại học, cao đẳng: Số lượng Bằng khen được đề nghị tối đa 15% trên tổng số "Tập thể lao động tiên tiến";

b) Đối với các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh: Số lượng Bằng khen được đề nghị tối đa 10% trên tổng số "Tập thể lao động tiên tiến";

c) Đối với các doanh nghiệp, tổ chức hội: Căn cứ đặc điểm, tình hình, tính chất, quy mô, hiệu quả sản xuất kinh doanh và những đóng góp trong năm,... Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định nhưng số lượng không vượt quá tỷ lệ tại điểm a khoản này.

4. Khi xét khen thưởng thường xuyên, không xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho tập thể, cá nhân đang đề nghị đồng thời tặng Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương các mức hạng (trừ các trường hợp tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị có ngày kỷ niệm thành lập năm tròn; cá nhân chuẩn bị nghỉ chế độ hưu trí).

5. Bằng khen để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 400 triệu đồng/năm trở lên.

6. Bằng khen để tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề trên địa bàn tỉnh:

a) Khi tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động (hoặc có văn bản giao cho các cơ quan, đơn vị phát động) thì việc khen thưởng chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp tỉnh (các phong trào do các ngành, xã, phường, đơn vị phát động do ngành, xã, phường, đơn vị khen thưởng);

UAM

b) Về đối tượng khen thưởng:

Xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc trong việc tham gia chỉ đạo, triển khai, thực hiện các chuyên đề; ưu tiên khen thưởng cho đối tượng trực tiếp tham mưu, thực hiện, người nông dân, công nhân, tập thể có tỷ lệ nữ cao; vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, vùng biên, hải đảo.

c) Về tỷ lệ khen thưởng: Cá nhân trực tiếp tham mưu, thực hiện chuyên đề chiếm ít nhất 70% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng. Các cá nhân là lãnh đạo, quản lý tham gia chỉ đạo, cơ quan phối hợp, tuyên truyền được đề nghị nhiều nhất 30% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng;

d) Về số lượng khen thưởng:

- Chuyên đề có thời gian từ 05 năm trở lên, số lượng đề nghị tối đa 10 tập thể và 10 cá nhân/1 chuyên đề.

- Chuyên đề có thời gian từ 03 năm đến dưới 05 năm, số lượng đề nghị tối đa 07 tập thể và 07 cá nhân/1 chuyên đề.

- Chuyên đề có thời gian từ 01 năm đến dưới 03 năm, số lượng đề nghị tối đa 05 tập thể và 05 cá nhân/1 chuyên đề.

- Chuyên đề có thời gian dưới 01 năm, số lượng đề nghị tối đa 03 tập thể và 03 cá nhân/1 chuyên đề.

đ) Trong một năm không xét tặng nhiều hơn một Bằng khen (thành tích trong các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho một đối tượng.

7. Bằng khen để tặng cho các tập thể, cá nhân đạt nhiều thành tích nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập (năm tròn), đại hội,... Tùy vào quy mô, đặc điểm, tính chất, số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thời gian thành lập, Sở Nội vụ tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho một số tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp, nổi trội (ưu tiên đối tượng có quá trình công tác lâu dài trong cơ quan, đơn vị, không vi phạm kỷ luật). Số lượng xét tặng Bằng khen như sau:

a) Đối với các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các trường đại học, cao đẳng): Số lượng không vượt quá quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

b) Đối với các đơn vị trực thuộc (các sở, ban, ngành; Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các trường đại học, cao đẳng) và doanh nghiệp, tổ chức hội có số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động dưới 300 người, số lượng không vượt quá 50% quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này; có số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động từ 300 người trở lên thì số lượng tối đa không quá 02 tập thể và 06 cá nhân.

8. Bằng khen để tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong hoạt động đối ngoại:

a) Đối tượng: Các tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài;

b) Tiêu chuẩn: Có thành tích trong việc ủng hộ từ thiện, nhân đạo, xóa đói, giảm nghèo, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, ngoại giao và lĩnh vực khác góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Bằng khen để tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc đột xuất:

Các tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của Nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm; thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước hoặc diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

10. Bằng khen để tặng cho các tập thể được Cụm, Khối thi đua của tỉnh bình xét, đề nghị.

Ngoài chỉ tiêu bình xét, suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ (tại phụ lục kèm theo Quy chế này); các Cụm, Khối thi đua của tỉnh lựa chọn tối đa không quá 20% số đơn vị còn lại đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

Trường hợp tập thể đã đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh thì cơ quan, đơn vị xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

11. Các trường hợp khác có thành tích đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 14. Quy định về tặng Trưởng các loại

1. Trưởng để tặng cho tập thể nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống vào các năm tròn (10 năm, 20 năm...) hoặc nhân dịp Đại hội nhằm ghi nhận và động viên kết quả đạt được của tập thể trong nhiệm kỳ và trong quá trình phấn đấu, xây dựng, phát triển.

2. Trưởng của Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh:

a) Đối tượng tặng Trưởng: Các sở, ban, ngành, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đảng ủy xã, phường; đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương trình hồ sơ về Sở Nội vụ để xem xét, xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy hoặc các cơ quan, đơn vị, địa phương vị xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy. Sau khi có văn bản đồng ý về chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy mới tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định.

3. Trưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đối tượng tặng Trưởng:

- Các đơn vị trực thuộc: Sở, ban, ngành, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các xã, phường;

- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các trường đại học, cao đẳng; các tổ chức hội; các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và đăng ký nộp thuế trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng trưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương III **HOẠT ĐỘNG CỤM, KHỐI THI ĐUA;** **HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP**

Điều 15. Thành lập cụm, khối thi đua

1. Cụm, khối thi đua được thành lập trên cơ sở đăng ký của các tổ chức, cơ quan, đơn vị có hoạt động chuyên môn, đảng, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công việc, quy mô, loại hình, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập cụm, khối thi đua hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An và cử Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo dõi, chỉ đạo.

2. Các cơ quan Đảng; các sở, ban, ngành, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các trường đại học, cao đẳng thành lập cụm, khối thi đua đối với các đơn vị trực thuộc; cử Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thuộc đơn vị mình theo dõi, chỉ đạo, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào thi đua yêu nước. Đồng thời gửi quyết định thành lập cụm, khối về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi, chỉ đạo.

Điều 16. Hoạt động cụm, khối thi đua

1. Tổ chức hoạt động.

a) Cụm, khối thi đua có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác, nội dung, phương pháp và tổ chức hoạt động phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối theo chỉ tiêu đã đăng ký giao ước; Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình, tổ chức phát động và triển khai thực hiện phong trào thi đua.

Sơ kết, tổng kết và đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng những đơn vị tiêu biểu xuất sắc;

b) Cụm trưởng, Khối trưởng và Cụm phó, Khối phó điều hành các hoạt động của cụm, khối thi đua; bộ phận giúp việc Cụm trưởng, Khối trưởng do cán bộ phụ trách thi đua, khen thưởng đơn vị đó đảm nhiệm;

c) Nhiệm kỳ phụ trách của Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó là 1 năm (trừ cụm, khối mới thành lập có thể kéo dài hơn). Hàng năm, khi tiến hành tổng kết, cụm, khối suy tôn bầu Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó và đề nghị cấp thẩm quyền công nhận cho năm tiếp theo.

2. Trách nhiệm của cụm, khối trưởng và cụm, khối phó và bộ phận giúp việc:

a) Cụm trưởng, Khối trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua ở các đơn vị thành viên; đánh giá, bình xét thi đua nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu đã đăng ký giao ước thi đua đầu năm; chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung và chủ trì các cuộc họp của cụm, khối thi đua theo định kỳ;

b) Cụm phó, Khối phó là người phối hợp và giúp việc cho Cụm trưởng, Khối trưởng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định; thay mặt cụm, khối trưởng giải quyết những công việc của cụm, khối khi được ủy quyền. Tham gia, chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác, chuẩn bị nội dung của các kỳ họp cụm, khối;

c) Bộ phận tham mưu giúp việc cho đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng do Cụm trưởng, Khối trưởng cử cán bộ thi đua của đơn vị mình hoặc đơn vị làm Cụm phó, Khối phó;

d) Các đơn vị trong cụm, khối xây dựng nội dung thi đua, tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng sát với tình hình thực tế của đơn vị mình. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp phong trào thi đua 6 tháng và cả năm để phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết, phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến.

Tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và gửi báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình tổ chức thực hiện phong trào thi đua và công tác khen thưởng; bảng tự chấm điểm, xếp loại theo nội dung và các chỉ tiêu đã ký giao ước về đơn vị làm cụm, khối trưởng và gửi về Sở Nội vụ 01 bản để theo dõi, chỉ đạo.

3. Chế độ làm việc của cụm, khối thi đua.

a) Các đơn vị duy trì thường xuyên việc báo cáo theo định kỳ 6 tháng và cả năm. Tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết vào cuối năm;

b) Đơn vị làm Cụm trưởng, Khối trưởng, Cụm phó, Khối phó sử dụng con dấu của đơn vị mình để ban hành giấy mời sinh hoạt cụm, khối và các văn bản liên quan hoạt động của cụm, khối;

c) Hàng năm, trước khi tổng kết năm, cụm, khối thi đua triển khai học tập kinh nghiệm về tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối (riêng khối thi đua các trường đại học, cao đẳng tiến hành trước khi tổng kết năm học).

4. Tiêu chí chấm điểm, xếp loại thi đua.

Áp dụng hệ thống tiêu chí theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về xếp loại thi đua hàng năm. Riêng các Khối thi đua doanh nghiệp và tổ chức hội tự xây dựng Quy chế hoạt động, Bảng tiêu chí chấm điểm riêng của khối mình để chấm

điểm, xếp loại thi đua cho phù hợp. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ kết quả bình xét, suy tôn của khối để xem xét khen thưởng và đề nghị khen thưởng.

Điều 17. Nội dung, cách thức tiến hành họp cụm, khối thi đua

1. Sơ kết 6 tháng đầu năm

a) Nội dung: Sơ kết 6 tháng đầu năm đánh giá hoạt động cụm, khối và phong trào thi đua, đề ra kế hoạch hoạt động trong 6 tháng cuối năm, kế hoạch học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối;

b) Thời gian tiến hành sơ kết: Đối với Khối Kinh tế - Xã hội, trước ngày 15 tháng 7 hàng năm; đối với Khối Giáo dục - Đào tạo, trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

2. Tổng kết năm.

a) Nội dung.

Tổng kết phong trào thi đua của cụm, khối thi đua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng năm tới.

b) Các bước tiến hành.

Trước khi tổ chức tổng kết năm, Cụm trưởng, Khối trưởng căn cứ vào tình hình thực tế để triển khai kế hoạch học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối hoặc tổ chức kiểm tra chéo.

Tổ chức họp tổng kết năm:

- Đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng tổng hợp kết quả hoạt động của các thành viên trong cụm, khối báo cáo trước hội nghị tổng kết cụm, khối;

- Hội nghị thảo luận, góp ý, xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm tới;

- Bình xét, xếp loại các đơn vị trong cụm, khối;

- Suy tôn đơn vị để đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh; Cờ thi đua của Chính phủ (số lượng cờ được phân bổ tại Phụ lục kèm theo); Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 10 Điều 13 Quy chế này;

- Bầu Cụm trưởng, Khối trưởng; Cụm phó, Khối phó năm tới;

- Phát động phong trào thi đua và đăng ký thi đua trong năm tới.

c) Thời gian tổng kết năm.

- Khối Kinh tế - Xã hội: Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm (số liệu báo cáo của các tháng 11, 12 ước tính);

- Khối doanh nghiệp và tổ chức hội cấp tỉnh: Trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo;

- Khối Giáo dục - Đào tạo: Trước ngày 25 tháng 7 hàng năm.

Điều 18. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Uzun

b) Thành phần Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Hội đồng có 03 Phó Chủ tịch, gồm:
 - + Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là Phó Chủ tịch Hội đồng;
 - + Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng;
 - + Giám đốc Sở Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng;
- Hội đồng có 09 Ủy viên, gồm:
 - + Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - + Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy;
 - + Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
 - + Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
 - + Giám đốc Công an tỉnh;
 - + Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
 - + Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - + Chánh Thanh tra tỉnh;
 - + Trưởng phòng Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ.

c) Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

d) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp:

Người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có trách nhiệm thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp mình để tham mưu, tư vấn về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý.

Chương IV
HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG ĐỐI VỚI CÁC
DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 19. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của cơ quan chức năng có liên quan; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn và ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương
- b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” có xác nhận và đóng dấu giáp lai của cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
- d) Các văn bản liên quan chứng minh thành tích, điều kiện tiêu chuẩn và chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước như: Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội,... Quyết định hoặc văn bản công nhận danh hiệu thi đua; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chuyên môn, đảng, đoàn thể.

Điều 20. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”

1. Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của cơ quan chức năng có liên quan; căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn và ý kiến của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” có 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương
- b) Báo cáo thành tích của cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” có xác nhận và đóng dấu giáp lai của cấp trình khen thưởng;
- c) Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
- d) Quyết định hoặc xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trên địa bàn tỉnh hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh;
- e) Các văn bản liên quan chứng minh thành tích và chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước như: Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội,...(đối với doanh nghiệp). Quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở trong giai đoạn xét khen thưởng.

Điều 21. Hồ sơ, thủ tục xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Hồ sơ đề nghị xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có 02 bộ (bản chính) gồm:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương;
2. Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng có xác nhận và đóng dấu giáp lai của cấp trình khen thưởng;
3. Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
4. Quyết định hoặc xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương;

Quyết định hoặc văn bản công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn xét khen thưởng. Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội,...(đối với doanh nghiệp).

Điều 22. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có 02 bộ (bản chính) gồm:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương;
2. Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị khen thưởng có xác nhận và đóng dấu giáp lai của cấp trình khen thưởng;
3. Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
4. Quyết định hoặc văn bản công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm xét khen thưởng. Văn bản xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội,...(đối với doanh nghiệp).

Điều 23. Hồ sơ, thủ tục xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”; xét tặng hoặc truy tặng Giấy khen

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”; xét tặng hoặc truy tặng Giấy khen có 01 bộ (bản chính) gồm:

1. Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, giấy khen;
2. Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, giấy khen có xác nhận và của cấp trình khen thưởng;
3. Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
4. Quyết định hoặc xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi cơ

quan, đơn vị, địa phương hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương trong trường hợp đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 24. Hồ sơ, thủ tục lấy ý kiến hiệp y xét khen thưởng

Hồ sơ lấy ý kiến hiệp y xét khen thưởng có 02 bộ (bản chính) gồm:

1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương;
2. Báo cáo thành tích của trường hợp được đề nghị lấy ý kiến hiệp y xét khen thưởng có xác nhận và đóng dấu giáp lai của cấp trình khen thưởng;
3. Biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
4. Các văn bản liên quan chứng minh thành tích, điều kiện tiêu chuẩn và chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước như: Xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội,... Quyết định hoặc văn bản công nhận danh hiệu thi đua; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của chuyên môn, đảng, đoàn thể.

Điều 25. Thời gian trình hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ khen thưởng theo công trạng và thành tích (khen thưởng thường xuyên)
 - a) Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối Kinh tế - Xã hội; các doanh nghiệp và tổ chức hội cấp tỉnh: Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.
 - b) Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc khối Giáo dục và Đào tạo:
 - Đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, các trường đại học, cao đẳng thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh: Trước ngày 25 tháng 7 hàng năm;
 - Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo: Trước ngày 15 tháng 8 hàng năm;
 - Các đơn vị thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo: Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

2. Hồ sơ khen thưởng đột xuất

Các cơ quan, đơn vị, địa phương trình các cấp khen thưởng sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất, đặc biệt xuất sắc đột xuất ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ đảm nhiệm.

3. Hồ sơ khen thưởng theo đợt, chuyên đề, đối ngoại:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng trước khi tiến hành tổng kết tối thiểu 15 ngày làm việc. Trừ các trường hợp phải tổ chức tổng kết ngay sau khi kết thúc chương trình hoạt động theo chủ trương, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

U. B. N.

Chương V
CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ
CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ

Điều 26. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

1. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; Nghị định của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và các quy định có liên quan.

2. Việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định hiện hành khác của Trung ương và tỉnh.

Chương VI
CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG;
HỦY BỎ, THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG, TIỀN THƯỞNG

Điều 27. Cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh và cấp Giấy chứng nhận khen thưởng cấp nhà nước

1. Quy trình thực hiện cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh

Căn cứ công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ tra cứu hồ sơ, đối chiếu với Hệ thống lưu trữ tại Sở Nội vụ trùng khớp với thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp, tham mưu Tờ trình đề nghị UBND tỉnh ban hành quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng (đối với những trường hợp bị mất, trường hợp không còn sử dụng được, đồng thời thu lại hiện vật khen thưởng cũ hư hỏng).

Hiện vật khen thưởng cấp đổi cấp lại do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm in ấn theo mẫu quy định riêng. Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm tập thể, cá nhân đề nghị, trong đó phía dưới bên phải in sẵn số Quyết định và ngày, tháng, năm, số sổ vàng tại thời điểm khen thưởng. Phía dưới bên trái của bằng cấp đổi, cấp lại ghi ngày, tháng, năm và mẫu con dấu, chữ ký người có thẩm quyền tại thời điểm cấp đổi, cấp lại.

2. Quy trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận về việc tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành tích kháng chiến

Căn cứ công văn đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ sau khi tra cứu thông tin khen thưởng, đối chiếu với Hệ thống lưu trữ tại Sở Nội vụ trùng khớp với thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp, thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận thành tích khen thưởng theo quy định.

3. Quy trình thực hiện cấp Giấy chứng nhận khen thưởng cấp Nhà nước

Căn cứ công văn đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Nội vụ tra cứu hồ sơ, đối chiếu với Hệ thống lưu trữ tại Sở Nội vụ trùng khớp với thông tin

của cơ quan, đơn vị, địa phương cung cấp, tham mưu Tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận khen thưởng cấp nhà nước theo quy định.

Hiện vật Giấy chứng nhận khen thưởng cấp nhà nước do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định. Mẫu Giấy chứng nhận in theo mẫu của Ban Thi đua - khen thưởng Trung ương hiện hành.

4. Thủ tục hồ sơ 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị (trong đó khẳng định cá nhân, hộ gia đình đề nghị là đúng sự thật);
- b) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị;
- c) Các căn cứ liên quan (nếu có).

5. Thời gian giải quyết

Sở Nội vụ trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, trả kết quả lại cho cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

Điều 28. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 29. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng

1. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng cấp tỉnh

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tập thể, cá nhân có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho bộ, ban, ngành, tỉnh nơi đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

lần

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận đúng thời hạn và gửi về Sở Nội vụ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định;

c) Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thu hồi hiện vật khen thưởng đã nhận.

2. Thu hồi hiện vật và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cấp có thẩm quyền, cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khen thưởng;

b) Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định.

Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Hàng năm các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác đối với các tập thể và cá nhân theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các tập thể, cá nhân để xét công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác thi đua, khen thưởng trong toàn tỉnh.

4. Sở Nội vụ:

a) Là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định hồ sơ khen thưởng, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh;

b) Có trách nhiệm công khai danh sách cá nhân, tập thể (lấy ý kiến nhân dân) đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng huân chương và danh hiệu vinh dự nhà nước trên Công thông tin điện tử của Sở Nội vụ (hoặc Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh) ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (trừ trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản);

c) Lấy ý kiến của Thanh tra tỉnh, Ban Tiếp công dân (thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh) về nội dung thanh tra, khiếu nại, tố cáo liên quan đến các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

Uron

d) Có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện Quy chế này.

5. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hiệu trưởng các Trường đại học, cao đẳng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các đơn vị thuộc Khối thi đua doanh nghiệp và tổ chức hội cấp tỉnh; người đứng đầu các tổ chức hội cấp tỉnh và các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác tổ chức thực hiện phong trào thi đua trong phạm vi quản lý. Chịu trách nhiệm đánh giá thành tích, xác nhận thành tích, thủ tục và nội dung hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

6. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của ngành, địa phương, đơn vị có trách nhiệm giúp Thủ trưởng các ngành, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức phát động các phong trào thi đua trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị mình; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, tổ chức kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng. Phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

7. Các cơ quan thông tin đại chúng thuộc tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

8. Trên cơ sở Quy chế của tỉnh, các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh./

Đông

Phụ lục I
BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU CỜ THI ĐUA CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VÀ CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ HÀNG NĂM
(Kèm theo Quyết định số: 84 /2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Chỉ tiêu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ:

TT	Khối, Cụm thi đua	Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh	Cờ thi đua của Chính phủ
I	Khối các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh	07	06
1	Khối các ngành Kinh tế	01	01
2	Khối Văn hoá - Xã hội	01	01
3	Khối Nội chính - Lực lượng vũ trang	01	01 (chỉ dành cho đơn vị thuộc tỉnh)
4	Khối Tổng hợp	01	01
5	Khối các cơ quan Đảng	02	01
6	Khối các cơ quan Trung ương và các cơ quan khác	01	01 (chỉ dành cho đơn vị thuộc tỉnh)
II	Cụm các xã, phường	24	09
1	Cụm số 1	01	09 (Mỗi cụm được chọn 01 đơn vị để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét chọn 09 Cờ Chính phủ)
2	Cụm số 2	01	
3	Cụm số 3	01	
4	Cụm số 4	01	
5	Cụm số 5	01	
6	Cụm số 6	02	
7	Cụm số 7	02	
8	Cụm số 8	01	
9	Cụm số 9	02	
10	Cụm số 10	01	
11	Cụm số 11	01	
12	Cụm số 12	01	
13	Cụm số 13	01	
14	Cụm số 14	01	
15	Cụm số 15	01	
16	Cụm số 16	01	
17	Cụm số 17	02	
18	Cụm số 18	01	
19	Cụm số 19	02	

TT	Khối, Cụm thi đua	Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh	Cờ thi đua của Chính phủ
III	Các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường	70	01
1	Các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các xã, phường	24	
a	Cụm thi đua có 08 đơn vị trở lên: 05 cụm	10 (mỗi cụm chọn 02 đơn vị)	
b	Cụm thi đua có 07 đơn vị trở xuống: 14 cụm	14 (mỗi cụm chọn 01 đơn vị)	
2	Các phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh.	46	01
a	Các sở, ngành có từ 30 phòng, ban, đơn vị trực thuộc trở lên: 02 sở, ngành (gồm: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)	04 (mỗi sở, ngành chọn 02 đơn vị)	
b	Các sở, ngành có từ 29 phòng, ban, đơn vị trực thuộc trở xuống: 34 sở, ngành còn lại	34 (mỗi sở, ngành chọn 01 đơn vị)	
c	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở Y tế	03	01
d	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công an tỉnh	05	
IV	Khối Giáo dục và Đào tạo	53	05
1	Khối các Trường đại học, cao đẳng	02	01
2	Sở Giáo dục và Đào tạo: Các đơn vị trực thuộc (Các Trường THPT, Trường Trung cấp nghề; Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp,...)	05	01
3	Các trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non	46	03
V	Khối thi đua doanh nghiệp	29	04
1	Khối doanh nghiệp có từ 13 doanh nghiệp trở lên (gồm 07 khối)	21 (mỗi khối chọn 03 đơn vị)	04 (mỗi khối đề nghị 01 đơn vị để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét chọn 04 Cờ Chính phủ)
2	Khối doanh nghiệp có từ 8 - 12 doanh nghiệp (gồm 04 khối)	08 (mỗi khối chọn 02 đơn vị)	
VI	Khối thi đua các tổ chức hội (Gồm 04 khối):	04 (mỗi khối chọn 01 đơn vị)	
*	Tổng số chỉ tiêu cờ:	187 cờ	25 cờ (chiếm 13,4% Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh)

2. Việc bình xét thực hiện như sau

a) Cờ thi đua của Chính phủ

- Các tập thể đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh trước, sau đó suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với Khối Nội chính - Lực lượng vũ trang: Chỉ tiêu Cờ thi đua của Chính phủ chỉ xét đối với các đơn vị thuộc tỉnh, còn các đơn vị thuộc ngành dọc các bộ, ngành Trung ương do các bộ, ngành trung ương xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với Khối các cơ quan trung ương và cơ quan khác: Không xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ, các đơn vị này do các bộ, ngành trung ương xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với các xã, phường: Mỗi Cụm thi đua xét chọn 01 đơn vị, sau đó Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ xét chọn 09 đơn vị để trình Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế: Được xét chọn 01 đơn vị để đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Đơn vị được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ phải được xét chọn qua Khối thi đua Văn hóa - Xã hội của tỉnh.

- Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo: Được xét chọn 01 đơn vị để đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ. Đơn vị được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ do Sở Giáo dục và Đào tạo xét chọn.

- Đối với các trường Trung học cơ sở, trường Tiểu học, trường Mầm non: Mỗi Cụm thi đua giới thiệu 01 trường (có thể giới thiệu trường Trung học cơ sở hoặc trường Tiểu học hoặc trường Mầm non). Nếu giới thiệu đủ thì toàn tỉnh có 19 trường được giới thiệu. Sau đó Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xét chọn 03 trường tiêu biểu để đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- Đối với Khối thi đua các doanh nghiệp: Có 11 khối, mỗi khối được giới thiệu 01 đơn vị, sau đó Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ xét chọn 04 đơn vị xuất sắc để đề nghị tặng cờ thi đua của Chính phủ.

b) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

Đối với các trường Trung học cơ sở, trường Tiểu học, trường Mầm non được bình xét, giới thiệu như sau:

- Đối với các Cụm thi đua có từ 70 trường trở lên (có 08 Cụm, gồm: Cụm thi đua các số 01, 04, 06, 07, 08, 09, 10 và 19): Mỗi cụm được bình xét, giới thiệu 03 trường (mỗi cấp học 01 trường).

- Đối với các Cụm thi đua có dưới 70 trường (có 11 Cụm, gồm: Cụm thi đua các số 02, 03, 05, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và 18): Mỗi cụm được bình xét, giới thiệu 02 trường (có thể giới thiệu trường Trung học cơ sở hoặc trường Tiểu học hoặc trường Mầm non).

Ưng

Phụ lục II**MẪU VĂN BẢN ÁP DỤNG TRONG HỒ SƠ THỦ TỤC KHEN THƯỞNG**

(Kèm theo Quyết định số: 84 /2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Mẫu Tờ trình đề nghị khen thưởng; Báo cáo thành tích; Xác nhận sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ: Áp dụng theo mẫu từ mẫu số 01 đến mẫu số 13 tại Phụ lục mẫu văn bản áp dụng trong hồ sơ, thủ tục khen thưởng kèm theo Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

2. Một số mẫu văn bản áp dụng trong cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng và cấp giấy chứng nhận khen thưởng.

Mẫu số 01. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận khen thưởng.

Mẫu số 02. Đơn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cá nhân, hộ gia đình.

Mẫu số 03. Đơn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân, hộ gia đình.

Mẫu số 04. Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể.

Mẫu số 05. Công văn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của tập thể.

Mẫu số 06. Giấy chứng nhận thành tích khen thưởng cấp Nhà nước.

Mẫu số 07. Giấy chứng nhận thành tích khen thưởng thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mẫu số 08. Cấp lại danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

Mẫu số 09. Cấp lại danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Nghệ An”.

Mẫu số 10. Cấp lại Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHEN THƯỞNG

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An.

Tên cá nhân, hộ gia đình đề nghị cấp GCN:(1).....
 Năm sinh:
 Số CCCD/CMND: cấp ngày tháng năm
 Quê quán:
 Địa chỉ hiện nay:
 Điện thoại:
 Xin cấp Giấy chứng nhận khen thưởng cho:(2).....
 Nguyên quán/ Chức vụ, đơn vị công tác:(3).....
 Đã được tặng thưởng:
 Theo Quyết định số.....ngày/...../.... của
 Đơn vị trình khen:(4).....
 Lý do đề nghị cấp GCN:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày tháng năm
Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý:

1. Ghi tên của đối tượng được khen thưởng hoặc thân nhân, đại diện hộ gia đình của đối tượng được khen thưởng.
2. Ghi tên đối tượng được khen thưởng cần cấp Giấy chứng nhận.
3. Ghi nguyên quán đối với đối tượng được khen thưởng kháng chiến. Ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với đối tượng được khen thưởng kinh tế xã hội. (Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị công tác khi được khen thưởng, không ghi theo địa danh mới). Ghi địa chỉ hộ gia đình nếu đề nghị cấp lại cho hộ gia đình.
4. Đơn vị trình khen: Ghi tên đơn vị đã trình khen cho cá nhân, hộ gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Kính gửi: (1)

Tên cá nhân, hộ gia đình đề nghị cấp đổi (2):.....
Số CCCD hoặc CMND:.....
Cấp đổi cho (3):.....
Quê quán/chức vụ, đơn vị công tác (4):.....
Địa chỉ hiện nay:.....
Điện thoại liên hệ:.....
Đã được tặng thưởng (5):.....
Theo Quyết định số (6):ngày..... ..tháng.....năm.....
Của (7):.....
Số sổ vàng (8):.....
Đơn vị trình khen (9):.....
Lý do cấp đổi (10):.....
Hiện vật xin cấp đổi(11):.....

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo)

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Địa danh), ngày... tháng ... năm

Người đề nghị

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

1. Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
2. Ghi tên của người đề nghị cấp lại nếu thân nhân đề nghị cấp lại cho đối tượng được khen thưởng. Ghi tên đối tượng được khen thưởng nếu đối tượng được khen thưởng đề nghị cấp lại cho bản thân. Ghi tên người đại diện hộ gia đình nếu đề nghị cấp lại cho hộ gia đình.
3. Ghi tên đối tượng được khen thưởng cần cấp lại.
4. Ghi quê quán đối với đối tượng được khen thưởng kháng chiến. Ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với đối tượng được khen thưởng kinh tế xã hội. (Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị công tác khi được khen thưởng, không ghi theo địa danh mới). Ghi địa chỉ hộ gia đình nếu đề nghị cấp lại cho hộ gia đình.
5. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.
6. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.
7. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.
8. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng.
9. Đơn vị trình khen: Ghi tên bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc trung ương đã trình khen cho cá nhân, hộ gia đình.
10. Ghi thất lạc hoặc in sai bằng.
11. Ghi bằng, huân, huy chương, kỷ niệm chương (có nhu cầu cấp lại hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Kính gửi:¹

Tên cá nhân, hộ gia đình đề nghị cấp lại²:.....
Số CCCD hoặc CMND:
Cấp lại cho³:.....
Quê quán/chức vụ, đơn vị công tác⁴:.....
Địa chỉ hiện nay:.....
Điện thoại liên hệ:.....
Đã được tặng thưởng⁵:.....
Theo Quyết định số⁶: ngày tháng năm.....
Của⁷:.....
Số sổ vàng⁸:
Đơn vị trình khen⁹:.....
Lý do cấp lại¹⁰:.....
Hiện vật xin cấp lại¹¹ :.....
1.....
2.....
Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm

Người đề nghị

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

1. Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
2. Ghi tên của người đề nghị cấp lại nếu thân nhân đề nghị cấp lại cho đối tượng được khen thưởng. Ghi tên đối tượng được khen thưởng nếu đối tượng được khen thưởng đề nghị cấp lại cho bản thân. Ghi tên người đại diện hộ gia đình nếu đề nghị cấp lại cho hộ gia đình.
3. Ghi tên đối tượng được khen thưởng cần cấp lại.
4. Ghi quê quán đối với đối tượng được khen thưởng kháng chiến. Ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với đối tượng được khen thưởng kinh tế xã hội. (Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị công tác khi được khen thưởng, không ghi theo địa danh mới). Ghi địa chỉ hộ gia đình nếu đề nghị cấp lại cho hộ gia đình.
5. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.
6. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.
7. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.
8. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng.
9. Đơn vị trình khen: Ghi tên bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc trung ương đã trình khen cho cá nhân, hộ gia đình.
10. Ghi thất lạc hoặc in sai bằng.
11. Ghi bằng, huân, huy chương, kỷ niệm chương (có nhu cầu cấp lại hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó).

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.....
.....

Số:../

V/v đề nghị cấp lại hiện vật
khen thưởng cấp nhà nước

Nghệ An, ngày... tháng ... năm

Kính gửi:.....¹Tên tập thể đề nghị cấp lại²:Trực thuộc³:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁴:Theo Quyết định số⁵: ngày tháng nămCủa⁶:Số sổ vàng⁷:Đơn vị trình khen⁸:Lý do cấp lại⁹:Hiện vật xin cấp lại¹⁰:

1

2

(Tên tập thể đề nghị cấp lại) cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)*

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

1. Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
2. Ghi tên của tập thể được khen thưởng.
3. Ghi tên đơn vị cấp trên trực tiếp.
4. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.
5. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.
6. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.
7. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng.
8. Đơn vị trình khen: Ghi tên bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc trung ương đã trình khen cho tập thể.
9. Ghi thất lạc hoặc ghi in sai bằng.
10. Ghi bằng, huân, huy chương, kỷ niệm chương (có nhu cầu cấp lại hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó).

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
Số:.... /
V/v đề nghị cấp đổi hiện vật
khen thưởng cấp nhà nước

Nghệ An, ngày... tháng ... năm

Kính gửi:.....¹

Tên tập thể đề nghị cấp đổi²:.....
Trực thuộc³:.....
Địa chỉ hiện nay:.....
Điện thoại liên hệ:.....
Đã được tặng thưởng⁴:.....
Theo Quyết định số⁵:..... ngày..... tháng..... năm.....
Của⁶:.....
Số sổ vàng⁷:.....
Đơn vị trình khen⁸:.....
Lý do cấp đổi:⁹.....
Hiện vật xin cấp đổi:¹⁰.....
1.....
2.....

(Tên tập thể đề nghị cấp lại) cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

1. Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
2. Ghi tên của tập thể được khen thưởng.
3. Ghi tên đơn vị cấp trên trực tiếp.
4. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.
5. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.
6. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.
7. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng.
8. Đơn vị trình khen: Ghi tên bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc trung ương đã trình khen cho tập thể.
9. Ghi thất lạc hoặc ghi in sai bằng.
10. Ghi bằng, huân, huy chương, kỷ niệm chương (có nhu cầu cấp lại hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó).

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SSV-KT

Nghệ An, ngày tháng năm 20...

**GIẤY CHỨNG NHẬN
Thành tích khen thưởng**

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chứng nhận:

Ông (bà; gia đình):.....

Quê quán:

Đã được tặng thưởngdo đã có thành tích.....

Theo Quyết định (Nghị quyết, Lệnh) số..... ngày/...../ của

Số Sổ vàng:

Đơn vị trình khen:.....

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CN-SNV

Nghệ An, ngày tháng năm 202...

GIẤY CHỨNG NHẬN
Thành tích khen thưởng

Sở Nội vụ tỉnh Nghệ An chứng nhận:

Ông (bà):.....

Quê quán:

Đã được tặng thưởngdo đã có thành
tích.....

Theo Quyết định số..... ngày .../.../ của

.....

Số Sổ vàng:

Đơn vị trình khen:.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TẶNG DANH HIỆU
TẬP THỂ LAO ĐỘNG XUẤT SẮC**

Nghệ An, ngày...tháng...năm.....
CHỦ TỊCH

*Quyết định số: .../QĐ-UBND
Ngày...tháng...năm....
Số vào sổ.../CL*





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc


CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TẶNG DANH HIỆU
CHIẾN SỸ THI ĐUA TỈNH NGHỆ AN

Nghệ An, ngày...tháng...năm.....
CHỦ TỊCH

Quyết định số: .../QĐ-UBND
Ngày...tháng...năm.....
Số vào sổ.../CL



1000



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TẶNG
BẰNG KHEN

*Quyết định số: .../QĐ-UBND
Ngày...tháng...năm.....
Số vào sổ.../CL*

Nghệ An, ngày...tháng...năm.....
CHỦ TỊCH

